|  |
| --- |
| **VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH****BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ** **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2010 - 2016 VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2017 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN** **TỈNH KHÁNH HÒA****Mã số đề tài: ĐT-2017-50401-CT** **Chủ nhiệm đề tài:** TS. Võ Ngọc Anh**Thư ký đề tài:** ThS. Nguyễn Trần Thi**Thành viên chính đề tài:**ThS. Trương Quang PhongThS. Nguyễn Thanh PhongThS. Trần Võ Thị Kim SiêngThS. Đặng Văn QuảngThS. Huỳnh Ngọc ĐạoThS. Nguyễn Thị Phương Thanh  **Bình Định, tháng 9 năm 2019** |

**MỞ ĐẦU**

**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đã có những phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, vấn đề lao động - việc làm tỉnh Khánh Hòa cũng gặp nhiều bất cập, thiếu lao động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chất lượng lao động chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, số lượng lao động có trình độ đại học nhiều nhưng số lượng công nhân kỹ thuật, công nhân lành nghề thiếu, vấn đề đào tạo giải quyết việc làm ở nông thôn còn nhiều hạn chế, tỷ lệ kết nối việc làm thành công trong hoạt động tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm của tỉnh còn ở mức thấp, mới chỉ đạt khoảng 30% (trong khi định hướng của tỉnh đến năm 2020, tỷ lệ kết nối việc làm thành công phải đạt từ 70%).

Theo Chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa chủ trì năm 2016, dự báo đối với lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 có cung là 900 lao động nhưng cầu khoảng 143,5 ngàn lao động. Đối với ngành Công nghiệp và xây dựng có cung lao động năm 2020 là 8.294 lao động nhưng cầu lao động ngành này là 358.908 lao động (cần bổ sung 350.614 lao động), trong đó trình độ sau đại học là 270 lao động, đại học cần 49.268 lao động, cao đẳng cần 73.816 lao động, trung cấp cần 87.667 lao động, Sơ cấp cần 71.360 lao động, trình độ khác là 68.233 lao động. Đối với ngành Dịch vụ - Thương mại và Du lịch, đến năm 2020 và ngành Tài chính - Ngân hàng có lượng cung lao động dự báo khá cao nhưng cầu thì hạn chế, đây là 2 nhóm ngành sẽ dư thừa lao động trong giai đoạn 2016 - 2020.

Vấn đề đặt ra hiện nay chính là giải pháp giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động giai đoạn 2017 - 2025; định hướng phát triển thị trường lao động và công tác quản lý nhà nước về việc làm; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động ở cấp tỉnh; xây dựng mô hình chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động bị thu hồi đất trong các dự án; định hướng việc làm; phát triển thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho thanh niên; vai trò của doanh nghiệp đối với thị trường lao động tỉnh Khánh Hòa. Chính vì vậy, việc thực hiện đề tài ***“Đánh giá thực trạng lao động - việc làm giai đoạn 2010 - 2016 và đề xuất giải pháp phát triển lao động - việc làm giai đoạn 2017 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”*** là thực sự cần thiết.

**2. Mục tiêu nghiên cứu**

* Đánh giá thực trạng lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2010 - 2016
* Đánh giá thực trạng về việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động của tỉnh giai đoạn 2010 - 2016
* Đánh giá cơ bản về tình hình thực hiện các Quy hoạch, chiến lược về phát triển nguồn nhân lực của địa phương như Quyết định số 1190/QĐ-UBND, ngày 16/05/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020.
* Dự báo cung - cầu và chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng 2030.
* Đề xuất các giải pháp mở rộng việc cung cấp việc làm, tín dụng, đào tạo nghề, cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 - 2025, định hướng 2030.

**3. Đối tượng nghiên cứu**

* Khung lý thuyết về lao động - việc làm;
* Các nội dung về phân tích thực trạng, dự báo và các giải pháp phát triển lao động - việc làm tỉnh Khánh Hòa.

**4. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu về vấn đề lao động - việc làm tại tỉnh Khánh Hòa.

**5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu

- Phương pháp mô hình hóa

- Phương pháp chuyên gia

- Phương pháp phân tích số liệu thứ cấp- Phương pháp PRA (Participatory Rural Appraisal - Cùng tham gia đánh giá nông thôn)

- Phương pháp khảo sát định lượng và định tính

- Phương pháp dự báo theo mô hình chuỗi thời gian

- Phương pháp dự báo theo mô hình hồi quy đơn

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM**

**1.1. Hệ thồng khái niệm về lao động, việc làm**

***1.1.1. Khái niệm lao động***

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm thay đổi các vật thể tự nhiên phù hợp với nhu cầu của con người. Thực chất là sự vận động của sức lao động trong quá trình tạo ra của cải vật chất cho xã hội, lao động cũng chính là quá trình kết hợp của sức lao động và tư liệu sản xuất để sản xuất ra [sản phẩm](http://luanvanaz.com/khai-niem-san-pham.html) phục vụ nhu cầu con người. Có thể nói lao động là yếu tố quyết định cho mọi hoạt động kinh tế.

***1.1.2. Nguồn lao động***

Nguồn lao động là bộ phận dân cư gồm những người trong độ tuổi lao động (không kể những người mất khả năng lao động) và những người ngoài tuổi lao động nhưng thực tế có tham gia lao động. Nguồn lao động bao gồm những người từ độ tuổi lao động trở lên (ở nước ta là tròn 15 tuổi).

***1.1.3. Khái niệm việc làm***

Việc làm là phạm trù để chỉ trạng thái phù hợp giữa sức lao động và những điều kiện cần thiết (vốn, tư liệu sản xuất, công nghệ…) để sử dụng sức lao động đó.

**1.2. Cơ sở lý thuyết có liên quan**

Trong phần này, nhóm nghiên cứu đã trình bày cụ thể các lý thuyết tăng trưởng của Ricardo, mô hình Harrod - Domar; các lý thuyết phát triển của Rostow, mô hình Fisher - Clark - Fourasties, mô hình Chnery; các lý thuyết về lao động - việc làm của Nafziger, mô hình Harry T. Oshima.

**1.3. Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động**

Khi xem xét tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến lĩnh vực lao động-việc làm, các nhà kinh tế thường nhấn mạnh khả năng của nền kinh tế trong khía cạnh tạo ra việc làm cho người lao động. Để tạo bước chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế, Chính phủ sẽ phải định hướng các ngành mục tiêu, ngành mũi nhọn, để từ đó thực hiện các biện pháp, chính sách nhằm tăng cường, kích thích đầu tư, đào tạo lao động và thí điểm áp dụng công nghệ mới. Mặt khác, theo quy luật tăng năng suất lao động của A. Fisher thì số lượng việc làm được tạo ra phụ thuộc vào năng suất lao động, trong đó khu vực công nghiệp và dịch vụ có tốc độ tăng trưởng việc làm cao hơn so với khu vực nông nghiệp.

**1.4. Kinh nghiệm trong và ngoài nước về lao động - việc làm**

Qua nghiên cứu kinh nghiệm ngoài nước bao gồm kinh nghiệm các nước: Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Mông Cổ, Malaysia, Singapore; kinh nghiệp trong nước gồm: Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Bình Dương, Vĩnh Phúc, Thành phố Hồ Chí Minh, bài học kinh nghiệm về lao động - việc làm cho tỉnh Khánh Hòa như sau:

(1) Có chính sách, biện pháp và kế hoạch thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động (CDCCLĐ) nông thôn và tạo việc làm trong thời kỳ CNH - HĐH. (2) Xem giáo dục - đào tạo là yếu tố quyết định để nâng cao chất lượng NNL và phát triển NNL chất lượng cao nhằm hướng đến phát triển kinh tế tri thức. (3) Có chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC), nỗ lực xây dựng NNLCLC hướng đến phát triển nền kinh tế tri thức (kinh tế - xã hội). (4) Có hệ thống chính sách thu hút quản lý, sử dụng và đãi ngộ NNL hợp lý, bài bản. (5) Phát triển NNL phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương qua từng giai đoạn nhất định. (6) Coi trọng hợp tác quốc tế và đẩy nhanh hội nhập. (7) Chính phủ giữ vai trò chủ động thực hiện quá trình phát triển NNL. (8) Phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đẩy mạnh xuất khẩu lao động ra nước ngoài và xuất khẩu tại chỗ, phát triển các ngành nghề truyền thống để giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.(9) Trong trường hợp hình thành Đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong, phải có một số lượng nhân sự đủ sức giám sát nhà thầu ngay từ khâu lập dự án (cần đào tạo rất lâu trước đó).

**II. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2016, TÁC ĐỘNG CỦA VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM ĐỐI VỚI CẢI THIỆN THU NHẬP VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO NGƯỜI DÂN CỦA TỈNH.**

**2.1. Thực trạng dân số, chất lượng dân số gắn với quy mô và chất lượng nguồn nhân lực**

Trong giai đoạn 2010-2016, tỉnh Khánh Hòa có quy mô dân số lớn, và tiếp tục tăng về số lượng, tốc độ tăng giữ ở mức ổn định trong những năm gần đây với tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn đạt 0,67%. Dân số năm 2010 đạt hơn 1,16 triệu dân, đến năm 2016 là hơn 1,21 triệu người, trong vòng 7 năm (2010-2016), dân số tỉnh Khánh Hòa tăng thêm hơn 49,48 nghìn người, bình quân mỗi năm tăng 7.000 người. Tỷ số giới tính trung bình là 97,57 nam trên 100 nữ. Dân số vẫn tập trung đông ở khu vực nông thôn với tỷ lệ bình quân là 55,29% dân số cả tỉnh với tốc độ tăng trưởng dân số trung bình 0,55%/năm. Trong khi đó, dân số ở khu vực thành thị trung bình chiếm 44,71% tổng dân số của tỉnh, có tốc độ tăng trưởng dân số trung bình đạt 0,88%/năm, cao hơn khu vực nông thôn. Cùng xu hướng chung của cả nước, dân số của tỉnh Khánh Hòa đang ở sát ngưỡng “dân số già”.

**2.2. Thực trạng về chất lượng nguồn nhân lực**

Tỷ lệ biết đọc biết viết của dân số được tính cho nhóm dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết (tỷ lệ biết chữ của người trưởng thành) trung bình giai đoạn 2010-2016 là 95,3% . Tỷ lệ này có chiều hướng tăng qua các năm. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của nguồn nhân lực trong độ tuổi lao động cũng được nâng lên qua các năm, tuy nhiên tỷ lệ nguồn nhân lực có trình độ tay nghề hoặc trình độ chuyên môn còn rất thấp.

**2.3. Thực trạng lao động và cơ cấu lao động**

Tính đến năm 2016, lực lượng lao động tỉnh Khánh Hòa là 689,5 nghìn người, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số từ 15 tuổi trở lên là 75,19%. Về số lượng, có sự dao động nhẹ qua các năm, trung bình giai đoạn 2010-2016 tăng 1,28%. Căn cứ theo tình trạng việc làm, lực lượng lao động bao gồm 667,0 nghìn người đang có việc làm (96,74%) và 22,5 nghìn người thất nghiệp (3,26%). Người lao động trong độ tuổi tốt nghiệp THPT năm 2011 là 24,8%, tăng lên 29,2% năm 2016. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo giảm dần (năm 2011 là 50,49% đến năm 2016 còn 34,73%) và tỷ lệ người lao động thuộc nhóm lao động công nhân kỹ thuật không bằng tăng đều hàng năm (năm 2011 là 30,37% đến năm 2016 là 42,53%).

Xét cơ cấu lực lượng lao động trẻ theo giới tính, tỷ lệ tham gia là nữ đều thấp hơn nam theo khu vực thành thị hoặc nông thôn. Mức độ chênh lệch là đáng kể: Nam (56,74%); Nữ (43,26%). Tỷ lệ nữ giới tham gia lực lượng lao động trẻ của tỉnh cũng thấp hơn so với cả nước (45,9%)[[1]](#footnote-1)

Trong tổng số lao động đang làm việc cả tỉnh có 57% lao động đang sinh sống tại khu vực nông thôn và lao động nữ chiếm 45,1% trong tổng số lao động có việc làm của cả tỉnh.

Cả tỉnh chỉ có khoảng 169,5 nghìn người từ 15 tuổi trở lên có việc làm đã được đào tạo (tương ứng với 25,4% LLLĐ có việc làm từ 15 tuổi trở lên). Trong đó lao động đã qua đào tạo chỉ chiếm 35% lao động có việc làm ở khu vực thành thị và 18,2% lao động có việc làm ở khu vực nông thôn.

Có sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo giữa nam và nữ, mức chênh lệch này là khoảng 20% (lao động nam là 60,06% và lao động nữ là 39,94%). Lao động nam đã qua đào tạo chỉ chiếm 27,8% trong tổng số nam giới có việc làm; tương tự lao động nữ đã qua đào tạo chỉ chiếm 22,5%.

Năm 2016 có 27,46% "Lao động giản đơn" (183,1 nghìn người). Các nhóm nghề cơ bản khác bao gồm "Dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng" (137,3 nghìn người tương đương 20,59%); "Lao động có kỹ thuật trong nông, lâm ngư nghiệp" (106,7 nghìn người tương đương 16,0%) và "Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan" (85,6 nghìn người tương đương 12,84%). Ngược lại, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc cao và lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc trung chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong tổng số lao động đang làm việc tại tỉnh (tương ứng là 8,73% và 3,97%).

Loại hình kinh tế ngoài nhà nước chiếm tới 85,13%, tương ứng 567,8 nghìn người. Ngược lại, loại hình kinh tế nhà nước chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ (13,66% tương ứng với 91,1 nghìn người). Tỷ trọng lao động đang làm việc của khu vực vốn đầu tư nước ngoài còn rất thấp (1,21% tương ứng với 8,1 nghìn lao động).

**2.4 Thực trạng về chuyển dịch cơ cấu lao động**

Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn từ nông thôn sang thành thành thị của tỉnh Khánh Hòa có sự thay đổi không đáng kể. Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn - thành thị vào năm 2010 là 56,06% - 40,77% và tỷ lệ này năm 2016 là 57,03% - 42,97%.

Tính đến năm 2016 cơ cấu lao động nông nghiệp chiếm 33,9% so với tổng số lao động của toàn tỉnh và có xu hướng giảm dần so với năm 2010 (42,0%). Về số tuyệt đối có xu hướng tăng đều qua các năm, từ 620,1 nghìn người năm 2010 lên 667,0 nghìn người năm 2016.

Cơ cấu lao động theo loại hình kinh tế Nhà nước chiếm 13,70% so với tổng số lao động đang làm việc, tăng 1,2% so với năm 2010 (12,5%). Ngược lại, loại hình kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng rất cao 85,10% (năm 2016).

Lao động có việc trong độ tuổi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2010 là 26,8%, đến năm 2016 là 28,9%.

Tỷ lệ số người lao động chưa qua đào tạo giảm dần (năm 2010 là 49,90% đến năm 2016 còn 34,51%) và tỷ lệ người lao động thuộc nhóm lao động công nhân kỹ thuật không bằng tăng đều hàng năm (năm 2010 là 31,99% đến năm 2016 là 42,92%), đây cũng là nhóm lao động chiếm tỷ lệ cao trong lực lượng lao động có việc làm của tỉnh. Ngoài ra người lao động có việc làm được đào tạo dưới 3 tháng, sơ cấp nghề, có bằng nghề dài hạn, trung cấp nghề, cao đẳng nghề có xu hướng tăng

**2.5. Thực trạng vấn đề việc làm và thất nghiệp**

Tỷ lệ thất nghiệp ở tỉnh Khánh Hòa những năm qua có xu hướng giảm, từ 3,9% năm 2010 xuống còn 3,6% năm 2016. Xu hướng giảm tỷ lệ thất nghiệp này duy trì ở cả hai khu vực thành thị (TT) và nông thôn (NT). Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm từ 4,2% năm 2010 xuống còn 3,8% năm 2016 và ở nông thôn giảm từ 3,6% năm 2010 còn 3,5% năm 2016 với tốc độ chậm. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp cao nhất vẫn ở nhóm lao động chưa qua đào tạo chiếm 52,1%, tiếp đến là nhóm lao động đại học 12,3% và cao đẳng chuyên nghiệp là 11,6%.

Năm 2016, mức tiền lương bình quân/người/tháng của lao động làm công ăn lương ở tỉnh Khánh Hòa là 4.542 nghìn đồng, tăng gấp 1,3 lần so với năm 2013 và 2,1 lần so với năm 2010.Thu nhập bình quân của người lao động ở tỉnh Khánh Hòa có sự khác biệt về giới tính, cụ thể năm 2016, thu nhập trung bình của lao động nam là 4.807 nghìn đồng trong khi đó thu nhập bình quân của lao động nữ là 4.134 nghìn đồng.

Việc tạo việc làm trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành nông lâm thủy sản hiện nay tương đối thấp hơn so với các doanh nghiệp ngành khác, năm 2016 số lượng các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ chiếm tỷ lệ cao nhất 73,0% tiếp đến ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 25,2% và ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ không đáng kể với 1,8% so với tổng số lao động toàn tỉnh. Số lượng việc làm được ra từ khu vực ngoài nhà nước chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm tỷ lệ gần 60%. So với 2 khu vực còn lại là khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ thấp.

Thu nhập bình quân tháng của lao động giai đoạn 2010-2016 trong khu vực doanh nghiệp tại Khánh Hòa đạt 5,05 triệu đồng/người/tháng, thấp hơn đáng kể so với thu nhập bình quân.

Đối với người lao động làm công ăn lương, có hợp đồng lao động tại các doanh nghiệp thuộc khu vực doanh nghiệp Nhà nước đang có mức thu nhập bình quân cao nhất. Bình quân giai đoạn 2010-2016, mỗi năm thu nhập bình quân theo tháng của người lao động khu vực này tăng 10,9%. Khu vực doanh nghiệp FDI có mức thu nhập bình quân giai đoạn 2010-2016 là 4,68 triệu đồng/người/tháng; bình quân khu vực này tăng 12,2%.

Số người tham gia bảo hiểm xã hội có sự gia tăng, đến năm 2016 đạt 133.948 nghìn người (bằng 24,6% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động). Số lao động giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, xác định thời hạn và không xác định thời hạn đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 124.720 người; chiếm 18,08% lực lượng lao động của tỉnh tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

**2.6. Các khoản hỗ trợ từ chương trình giảm nghèo và tác động đến việc cải thiện thu nhập, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh**

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tỉnh Khánh Hòa không ban hành Chương trình giảm nghèo riêng của tỉnh mà chỉ thực hiện lồng ghép công tác giảm nghèo với các chương trình trọng điểm của tỉnh, chủ yếu lả Chương trình Xây dựng Nông thôn mới và Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng thời, trong giai đoạn này, tỉnh không có chuẩn nghèo riêng mà chỉ thực hiện theo chuẩn nghèo của quốc gia.

Cuối năm 2015, theo phương pháp đo lường nghèo đơn chiều, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bản tình Khánh Hòa chỉ còn 1,42% (4.000 hộ). Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo mới, giai đoạn 2016-2020 (theo QĐ 59/2015/QĐ-TTg), đầu kỳ giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là 9,68% (27.392 hộ). Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, cuối năm 2017, toàn tỉnh Khánh Hòa có 19.142 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 6,54%), giảm 2.237 hộ nghèo so vớí đầu năm 2017, giảm 8.250 hộ so với đầu kỳ 2016.

**2.7. Tác động của vấn đề việc làm đối với việc cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân của tỉnh**

Qua kết quả nghiên cứu khảo sát 800 người dân là chủ hộ (hoặc là người đại diện cho hộ gia đình) tại 08 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa về sự hài lòng của người dân đối với môi trường sống, vấn đề giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững. Về tình hình kinh tế, đời sống của gia đình so với 2-3 năm trước không được cải thiện hoặc xấu đi chiếm tỷ lệ cao (chiếm 58,4%). Khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi chiếm 15,6%. Không hài lòng với mức thu nhập hiện nay tại địa phương chiếm 26,7%. Tỷ lệ người cho rằng điều kiện sản xuất kinh doanh tại địa phương không dễ dàng ở mức cao (chiếm 31,7%). Tỷ lệ người cho rằng khó có cơ hội tìm kiếm việc làm tại địa phương ở mức cao (chiếm 40,3%).

**III. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2016 VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM , CẢI THIỆN THU NHẬP VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO NGƯỜI DÂN CỦA TỈNH**

**3.1. Chính sách đào tạo nghề cho lao động tỉnh Khánh Hòa**

Ngoài các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề được nêu trong các văn bản chính sách của Khánh Hòa, đối với chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nghề phi nông nghiệp ngoài các chính sách cho vay vốn giải quyết việc làm cho lao động, một số huyện đã sử dụng nguồn nhân sách của huyện để hỗ trợ ban đầu cho lao động là người đồng bào dân tộc ít người khi đi làm ở xa; Đối với chính sách đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, riêng đối tượng là lao động trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần (giai đoạn trước 10/5/2018 quy định bằng 02 lần) giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi với điều kiện diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

 **3.2. Mạng lưới và quy mô đào tạo nghề**

Hiện nay, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được phát triển đa dạng về hình thức sở hữu và loại hình đào tạo, hệ thống giáo dục nghề nghiệp từng bước đáp ứng được nhu cầu đào tạo lao động trên địa bàn. Toàn tỉnh hiện có 50 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 04 trường Cao đẳng, 12 trường trung cấp, 05 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 29 cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Giai đoạn 2016-2018 trình độ cao đẳng mỗi năm đào tạo được 5.506 người đạt 17,06%; Trình độ trung cấp mỗi năm đào tạo được 6.651 người đạt 20,62%; Trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên mỗi năm đào tạo được 20.107 người chiếm 62,32%.

Tổng số giáo viên, giảng viên của 50 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 1.355 người, trong đó: có 372 giáo viên, giảng viên tại các trường Cao đẳng, 476 giáo viên tại các trường trung cấp, 228 giáo viên tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 279 giáo viên tại các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay đang có 374 giảng đường, phòng học lý thuyết; 283 xưởng thực tập, thực hành và phòng thí nghiệm; 32 thư viện; trong đó các trường cao đẳng có tổng diện tích sử dụng là 26 ha, diện tích sàn xây dựng 78.416m2; 83 giảng đường phòng học lý thuyết, 110 xưởng thực tập, thực hành, phòng thí nghiệm. Các trường trung cấp có tổng diện tích sử dụng là 29 ha, diện tích sàn xây dựng 127.799 m2; 84 giảng đường, phòng học lý thuyết; 78 xưởng thực tập, thực hành, phòng thí nghiệm. Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp có tổng diện tích đất sử dụng là 12 ha, diện tích xây dựng sàn 83.090 m2; 25 giảng đường, phòng học lý thuyết; 11 xưởng thực tập, thực hành, phòng thí nghiệm. Hầu hết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng được quy mô tuyển sinh đào tạo. Năm 2018 tỉnh Khánh Hòa đã khánh thành và đưa vào hoạt động cơ sở đào tạo của Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Nha Trang trên diện tích đất 7,4 ha. Có 03 trường Cao đẳng và 07 trung cấp được phê duyệt ngành, nghề trọng điểm theo Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội với 09 nghề cấp độ Quốc tế, 08 nghề cấp độ ASEAN, 17 nghề cấp độ quốc gia. Có 01 trường Cao đẳng được phê duyệt là trường chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ngoài hình thức đào tạo tập trung theo kế hoạch (Đào tạo tại trường theo chương trình chính quy, chủ yếu đối với hệ dài hạn chính quy và lao động chưa có việc làm, cần học nghề để tìm việc hoặc tổ chức việc làm), có nhiều hình thức đào tạo mới được tổ chức: Đào tạo tại chức vừa học vừa làm; Đào tạo tại xí nghiệp; Đào tạo có địa chỉ; Bồi dưỡng nâng bậc thợ; Đào tạo theo chế độ “môđun”; Đào tạo bổ sung tay nghề thực hành; Đào tạo theo phương thức hợp đồng sử dụng bản quyền về chương trình, kiểm tra đánh giá và cấp bằng nước ngoài (đã được Tổng cục Dạy nghề chấp thuận thí điểm).

**3.4. Hiệu quả của công tác đào tạo nghề**

Hiện nay số lượng học viên tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với tỷ lệ khá cao, đồng nghĩa với chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh được cải thiện. Năm 2018 tỷ lệ người học tốt nghiệp ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hệ sơ cấp và đào tạo nghề thường xuyên là cao nhất, với 18 cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trên 90% người học tốt nghiệp và 12 cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tỷ lệ người học tốt nghiệp từ 70% - dưới 90%. Các cơ sở đạo tạo hệ trung cấp có tỷ lệ người học tốt nghiệp tương đối cao, có 6 cơ sở giáo dục nghề nghiệp với tỷ lệ tốt nghiệp khoảng 70% - dưới 90% và tỷ lệ trên 90% 4 có giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo hệ cao đẳng lại có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp thấp hơn hai hệ tuyển sinh trên.

Thực tế sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cho thấy các học viên được đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp có kiến thức cơ sở và chuyên ngành tốt. Tuy nhiên, họ vẫn còn lúng túng khi vận dụng những lý thuyết đó vào công việc, thiếu kinh nghiệm thực tế và cũng có rất nhiều trường hợp phải đào tạo lại sau khi tuyển dụng. Nguồn nhân lực đào tạo nghề hiện còn yếu về kỹ năng ngoại ngữ, chỉ mới biết Anh văn căn bản, chưa thể giao tiếp được, trong khi tiếng Anh là tiêu chí tuyển dụng phổ biến hiện nay, nhất là đối với các công ty nước ngoài.

 **3.5. Tác động của vấn đề đào tạo nghề đối với việc giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân của tỉnh.**

 Khánh Hòa đã triển khai Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, qua phân tích số liệu về nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo, lao động trong độ tuổi có việc làm đã qua đào tạo và kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 cho thấy tác động tích cực của đào tạo nghề trong vấn đề giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tiến tới giảm nghèo bền vững cho người dân tỉnh Khánh Hòa.

**IV. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM VÀ DỰ BÁO CÁC VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM, ĐÀO TẠO NGHỀ, THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA 2017-2025 TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH**

**4.1. Thực trạng phát triển thị trường lao động - việc làm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2016**

***4.1.1. Tình hình cung lao động***

Năm 2016, tỉnh Khánh Hòa có quy mô dân số là 1.213,8 nghìn người. Năm 2017, dân số là 1.222,2 nghìn người tăng 0,69% so với năm 2016 đến năm 2018 ước đạt 1.234,1 nghìn người tăng 0,9% so với năm 2017. Đặc điểm của cung lao động Khánh Hòa tăng đều qua các năm. Trình độ học vấn phổ thông của người lao động có việc làm trong độ tuổi được nâng lên qua các năm. Trình độ chuyên môn tay nghề của người lao động có việc làm trong độ tuổi lao động cũng được nâng lên qua các năm.

 Lực lượng lao động trong ngành kinh tế đang có xu hướng chuyển từ lao động ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản sang công nghiệp xây dựng và dịch vụ.

***4.1.2. Tình hình cầu lao động***

Trong giai đoạn 2010 - 2016, tổng số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa bình quân mỗi năm tăng 8,26% số doanh nghiệp. Giai đoạn này tốc độ tăng trưởng doanh nghiệp bình quân cả nước được cho là giảm mạnh với khoảng 11,54%. Bình quân số lao động của một doanh nghiệp đang hoạt động trong giai đoạn 2010-2016 là 29,67 lao động/doanh nghiệp, số doanh nghiệp dưới 10 lao động chiếm 62,4%; doanh nghiệp có từ 10 đến 200 lao động chiếm 35,2%, chỉ có 2,4% doanh nghiệp có từ 200 lao động trở lên. Tương ứng với số lượng lao động như trên cho thấy hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Bình quân giai đoạn 2010-2016 mỗi năm khu vực doanh nghiệp thu hút thêm 7,0% lao động.

**4.2. Dự báo các vấn đề lao động, việc làm, đào tạo nghề, thị trường lao động tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Dân số đến năm 2020 dân số tỉnh đạt 1.247.184 người, năm 2025 đạt 1.285.141 người và năm 2030 đạt 1.323.476 người; Tỷ lệ dân số đô thị năm 2020 đạt 60%, đến năm 2025 đạt 65% và đến năm 2030 đạt 70%.

Dân số trong độ tuổi lao động năm 2020 khoảng 717.590 người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động nam là 395.085 người; dân số trong độ tuổi lao động nữ là 322.505 người; năm 2025 khoảng 721.494 người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động nam là 401.385 người; dân số trong độ tuổi lao động nữ là 320.109 người; năm 2030 khoảng 719.024 người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động nam là 400.989 người; dân số trong độ tuổi lao động nữ là 318.035 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt khoảng 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 60%. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 72,5%. Đến năm 2030, chỉ tiêu đạt tương ứng 95%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 85%.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh sẽ cung cấp cho thị trường lao động khoảng 76.120 lao động, trong đó 1.465 lao động qua bồi dưỡng kỹ năng nghề; 12.945 lao động được đào tạo chứng chỉ ngắn hạn 3,6,9 tháng; 12.595 lao động sơ cấp, sơ cấp nghề; 15.780 lao động trình độ trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; 15.330 lao động trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề; 16.030 lao động trình độ đại học, 1.950 thạc sĩ và 25 tiến sĩ.

Đến năm 2030, tổng số lao động các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh sẽ cung cấp thêm cho thị trường lao động trong 10 năm từ 2021 - 2030 khoảng 152.240 lao động, trong đó 2.930 lao động qua bồi dưỡng kỹ năng nghề; 25.890 lao động được đào tạo chứng chỉ ngắn hạn 3,6,9 tháng; 25.190 lao động sơ cấp, sơ cấp nghề; 31.560 lao động trình độ trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; 30.660 lao động trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề; 32.060 lao động trình độ đại học, 3.900 thạc sĩ và 50 tiến sĩ.

**Bảng 1. Dự báo số lượng và cơ cấu lao động theo ngành kinh tế**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng cầu lao động (người)** | **Lao động phân theo ngành (người)** | **Cơ cấu lao động phân theo ngành (%)** |
| **Nông, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp và xây dựng** | **Dịch vụ** | **Nông, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp và xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 2016 | 667.000 | 226.113 | 143.405 | 297.482 | 33,90 | 21,50 | 44,60 |
| 2017 | 683.539 | 214.466 | 145.475 | 323.597 | 31,38 | 21,28 | 47,34 |
| 2018 | 706.956 | 200.106 | 149.267 | 357.584 | 28,31 | 21,11 | 50,58 |
| 2019 | 736.424 | 186.250 | 153.741 | 396.434 | 25,29 | 20,88 | 53,83 |
| 2020 | 772.455 | 173.013 | 158.798 | 440.643 | 22,40 | 20,56 | 57,04 |
| 2021 | 815.634 | 160.458 | 164.372 | 490.804 | 19,67 | 20,15 | 60,17 |
| 2022 | 866.604 | 148.615 | 170.404 | 547.585 | 17,15 | 19,66 | 63,19 |
| 2023 | 926.083 | 137.492 | 176.845 | 611.747 | 14,85 | 19,10 | 66,06 |
| 2024 | 994.904 | 127.084 | 183.656 | 684.164 | 12,77 | 18,46 | 68,77 |
| 2025 | 1.074.043 | 117.381 | 190.810 | 765.852 | 10,93 | 17,77 | 71,31 |
| 2026 | 1.164.539 | 108.343 | 198.264 | 857.932 | 9,30 | 17,03 | 73,67 |
| 2027 | 1.267.672 | 99.944 | 206.010 | 961.719 | 7,88 | 16,25 | 75,86 |
| 2028 | 1.384.759 | 92.150 | 214.012 | 1.078.596 | 6,65 | 15,45 | 77,89 |
| 2029 | 1.517.361 | 84.928 | 222.255 | 1.210.178 | 5,60 | 14,65 | 79,76 |
| 2030 | 1.667.204 | 78.239 | 230.705 | 1.358.260 | 4,69 | 13,84 | 81,47 |

*Nguồn: BISEDS, 2019*

**Bảng 2. Chuyển dịch cấu lao động theo kịch bản trung bình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Cơ cấu GRDP (%)\*** | **Cơ cấu lao động (%)** |
| **Nông, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp và xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** | **Nông, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp và xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 2016 |  11,21  |  28,82  |  47,00  |  12,98  | 33,90 | 21,50 | 44,60 |
| 2020 | 10,58 | 31,73 | 47,69 | 10 | 22,40 | 20,56 | 57,04 |
| 2025 | 8,80 | 30,77 | 50,43 | 10 | 10,93 | 17,77 | 71,31 |
| 2030 | 7,39 | 30,07 | 52,54 | 10 | 4,69 | 13,84 | 81,47 |

*Nguồn: BISEDS, 2019*

**Bảng 3. Dự báo số lượng lao động nội ngành công nghiệp - xây dựng**

*ĐVT: người*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng** | **Khai khoáng** | **Công nghiệp chế biến, chế tạo** | **Sản xuất và phân phối điện, nước** | **Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác, nước thải** | **Xây dựng** |
| 2016 | 143.405 | 1.200 | 86.000 | 2.100 | 2.600 | 51.505 |
| 2017 | 143.900 | 1.200 | 86.300 | 2.000 | 2.600 | 51.800 |
| 2018 | 149.267 | 1.239 | 89.515 | 2.135 | 2.702 | 53.676 |
| 2019 | 153.741 | 1.276 | 92.198 | 2.198 | 2.783 | 55.285 |
| 2020 | 158.798 | 1.318 | 95.231 | 2.271 | 2.874 | 57.104 |
| 2021 | 164.372 | 1.364 | 98.574 | 2.351 | 2.975 | 59.108 |
| 2022 | 170.404 | 1.414 | 102.191 | 2.437 | 3.084 | 61.277 |
| 2023 | 176.845 | 1.468 | 106.054 | 2.529 | 3.201 | 63.593 |
| 2024 | 183.656 | 1.524 | 110.139 | 2.626 | 3.324 | 66.043 |
| 2025 | 190.810 | 1.584 | 114.429 | 2.729 | 3.454 | 68.615 |
| 2026 | 198.264 | 1.646 | 118.899 | 2.835 | 3.589 | 71.296 |
| 2027 | 206.010 | 1.710 | 123.544 | 2.946 | 3.729 | 74.081 |
| 2028 | 214.012 | 1.776 | 128.343 | 3.060 | 3.874 | 76.959 |
| 2029 | 222.255 | 1.845 | 133.286 | 3.178 | 4.023 | 79.923 |
| 2030 | 230.705 | 1.915 | 138.354 | 3.299 | 4.176 | 82.962 |

*Nguồn: Kết quả tính toán của BISEDS, 2019*

**Bảng 4. Dự báo số lượng lao động nội ngành dịch vụ**

*ĐVT: người*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| **Tổng** | **323.597** | **357.584** | **396.434** | **440.643** | **490.804** | **547.585** | **611.747** |
| Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 91.335 | 100.928 | 111.893 | 124.371 | 138.529 | 154.556 | 172.666 |
| Vận tải, kho bãi | 30.698 | 33.922 | 37.608 | 41.801 | 46.560 | 51.947 | 58.033 |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 66.448 | 73.427 | 81.405 | 90.483 | 100.783 | 112.443 | 125.618 |
| Thông tin và truyền thông | 3.858 | 4.263 | 4.726 | 5.253 | 5.851 | 6.528 | 7.293 |
| Tài chính, tín dụng, ngân hàng và bảo hiểm | 8.911 | 9.846 | 10.916 | 12.134 | 13.515 | 15.078 | 16.845 |
| Hoạt động kinh doanh bất động sản | 652 | 720 | 799 | 888 | 989 | 1.103 | 1.233 |
| Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ  | 6.900 | 7.625 | 8.454 | 9.396 | 10.466 | 11.677 | 13.045 |
| Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ  | 5.977 | 6.604 | 7.322 | 8.138 | 9.065 | 10.114 | 11.299 |
| Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị XH, QLNN, ANQP, đảm bảo xã hội bắt buộc | 30.698 | 33.922 | 37.608 | 41.802 | 46.560 | 51.947 | 58.033 |
| Giáo dục và đào tạo | 36.892 | 40.767 | 45.196 | 50.236 | 55.955 | 62.428 | 69.743 |
| Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội | 12.551 | 13.869 | 15.376 | 17.091 | 19.036 | 21.238 | 23.727 |
| Nghệ thuật, vui chơi giải trí | 5.704 | 6.304 | 6.988 | 7.768 | 8.652 | 9.653 | 10.784 |
| Hoạt động dịch vụ khác | 22.973 | 25.386 | 28.144 | 31.282 | 34.843 | 38.874 | 43.429 |
| **Năm** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| **Tổng** | **684.164** | **765.852** | **857.932** | **961.719** | **1.078.596** | **1.210.178** | **1.358.260** |
| Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 193.105 | 216.162 | 242.151 | 271.445 | 304.434 | 341.573 | 383.369 |
| Vận tải, kho bãi | 64.903 | 72.652 | 81.388 | 91.233 | 102.321 | 114.803 | 128.851 |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 140.488 | 157.262 | 176.170 | 197.482 | 221.482 | 248.501 | 278.909 |
| Thông tin và truyền thông | 8.156 | 9.130 | 10.228 | 11.465 | 12.858 | 14.427 | 16.192 |
| Tài chính, tín dụng, ngân hàng và bảo hiểm | 18.839 | 21.089 | 23.624 | 26.482 | 29.700 | 33.324 | 37.401 |
| Hoạt động kinh doanh bất động sản | 1.378 | 1.543 | 1.729 | 1.938 | 2.173 | 2.438 | 2.737 |
| Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ  | 14.589 | 16.331 | 18.294 | 20.508 | 23.000 | 25.806 | 28.963 |
| Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ  | 12.636 | 14.145 | 15.845 | 17.762 | 19.921 | 22.351 | 25.086 |
| Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị XH, QLNN, ANQP, đảm bảo xã hội bắt buộc | 64.903 | 72.653 | 81.388 | 91.234 | 102.321 | 114.804 | 128.851 |
| Giáo dục và đào tạo | 77.999 | 87.312 | 97.809 | 109.642 | 122.967 | 137.968 | 154.850 |
| Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội | 26.536 | 29.704 | 33.275 | 37.301 | 41.834 | 46.937 | 52.681 |
| Nghệ thuật, vui chơi giải trí | 12.061 | 13.501 | 15.124 | 16.953 | 19.014 | 21.333 | 23.944 |
| Hoạt động dịch vụ khác | 48.570 | 54.370 | 60.907 | 68.275 | 76.572 | 85.913 | 96.426 |

*Nguồn: Kết quả tính toán của BISEDS, 2019*

***4.2.7. Thảo luận kết quả dự báo cung - cầu lao động tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030***

**Bảng 5. Dự báo cung - cầu lao động phân theo ngành kinh tế tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

*ĐVT: người*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2020** | **Năm 2025** | **Năm 2030** |
| **Cung** | **Cầu** | **Cung** | **Cầu** | **Cung** | **Cầu** |
| **Tổng** | **695.033** | **772.455** | **698.852** | **1.074.043** | **696.469** | **1.667.204** |
| Lao động ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản | 155.687  | 186.250 | 76.385  | 117.381 |  32.664  | 78.239 |
| Lao động ngành công nghiệp và xây dựng | 142.899  | 158.798 | 124.186 | 190.810 | 96.391  | 230.705 |
| Lao động ngành dịch vụ  | 396.447  | 440.643 |  498.281  | 765.852 |  567.414 | 1.358.260 |

*Nguồn: Kết quả tính toán của BISEDS, 2019*

Từ kết quả so sánh cung cầu nhân lực trong tỉnh, cho thấy hiện nay nhu cầu đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng được về số lượng đối với nhu cầu của xã hội. Cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa thực sự phù hợp với thị trường lao động, thiếu lao động kỹ thuật trình độ cao cung cấp cho các ngành kinh tế mũi nhọn, kinh tế trọng điểm. Tiêu biểu là các ngành nghề trong lĩnh vực du lịch chưa đáp ứng được cả về chất lượng lẫn số lượng. Các ngành nghề trong lĩnh vực công nghiệp cần trình độ kỹ thuật cao như là Vận hành điện, điện tử, điện lạnh, cơ khí chế tạo,… chưa cung ứng đủ cho nhu cầu các doanh nghiệp vì quy mô đào tạo của các trường nghề trong lĩnh vực này còn ít. Riêng lĩnh vực xây dựng hầu như có rất ít trường đào tạo ở trình độ trung cấp trở lên.

**V. GIẢI PHÁP MỞ RỘNG VIỆC CUNG CẤP VIỆC LÀM, TÍN DỤNG, ĐÀO TẠO NGHỀ, CẢI THIỆN THU NHẬP VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO NGƯỜI DÂN CỦA TỈNH KHÁNH HÒA TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2025**

***5.1. Phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030***

- GRDP (theo giá so sánh năm 2010) năm 2020 đạt 72.452.959 triệu đồng, năm 2025 đạt 124.587.374 triệu đồng, năm 2030 đạt 219.069.890 triệu đồng. GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 3.200 USD/năm (tương đương 70 triệu VNĐ), đến năm 2025 gấp 1,5 - 1,7 lần so với năm 2020 và năm 2030 gấp 2 lần so với năm 2025.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng Dịch vụ - du lịch, CN-XD và nông nghiệp. Năm 2020, tỷ trọng đóng góp các ngành NLT: CN-XD: DV vào GRDP tương ứng là 10,58% - 31,73% - 47,69%, năm 2025 là là 8,80% - 30,77% - 50,43%, năm 2030 là 7,39% - 30,07% - 52,54%.

- Thu nội địa năm 2020 gấp 1,5 - 1,7 lần so với năm 2015, năm 2025 gấp 2 lần so với năm 2020, năm 2030 gấp trên 2,5 lần so với năm 2025.

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh năm 2020 đạt trên 2.000 triệu USD, năm 2025 đạt 3.300 triệu USD, năm 2030 đạt 5.300 triệu USD.

- Dân số: Năm 2020 dân số tỉnh đạt 1.247.184 người, năm 2025 đạt 1.285.141 người và năm 2030 đạt 1.323.476 người; Tỷ lệ dân số đô thị năm 2020 đạt 60%, đến năm 2025 đạt 65% và đến năm 2030 đạt 70%.

- Dân số trong độ tuổi lao động năm 2020 khoảng 717.590 người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động nam là 395.085 người; dân số trong độ tuổi lao động nữ là 322.505 người; năm 2025 khoảng 721.494 người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động nam là 401.385 người; dân số trong độ tuổi lao động nữ là 320.109 người; năm 2030 khoảng 719.024 người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động nam là 400.989 người; dân số trong độ tuổi lao động nữ là 318.035 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt khoảng 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 60%. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 72,5%. Đến năm 2030, chỉ tiêu đạt tương ứng 95% và 85%.

- Cơ cấu lao chuyển dịch phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cơ cấu lao động theo các ngành NLT: CN-XD: DV với tỷ lệ tương ứng năm 2020 là 22,40% - 20,56% - 57,04%, năm 2025 là 10,93% - 13,84% - 71,31% và năm 2030 là 4,69% - 13,84% - 81,47%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 1,0 - 1,5%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030, duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,0 - 1,5%/năm theo chuẩn nghèo mới từng giai đoạn.

- Đến năm 2020, tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%, đến năm 2025 dưới 3,8% và đến năm 2030 dưới 3,5%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt khoảng 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 60%. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 72,5%. Đến năm 2030, chỉ tiêu đạt tương ứng 95% và 85%.

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt trên 90%, đến năm 2025 đạt 92% và đến năm 2030 đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số đô thị năm 2020 đạt 60%, đến năm 2025 đạt 65% và đến năm 2030 đạt 70%.

- Đến năm 2020, có 62% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng 58/94 xã); không còn xã dưới 10 tiêu chí; thành phố Nha Trang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2025, có 83% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (78/94 xã); có thêm 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới là Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm. Đến năm 2030, 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

***5.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt khoảng 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 60%. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 72,5%. Đến năm 2030, chỉ tiêu đạt tương ứng 95% và 85%.

Đối với Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, cần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về đào tạo nhân lực; Đổi mới quản lý nhà nước về đào tạo nhân lực; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng nhân lực; Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đào tạo nhân lực có tay nghề; huy động nguồn lực đào tạo nhân lực; Tập trung đầu tư vào giáo dục đào tạo; Đẩy mạnh thực hiện liên kết đào tạo và hợp tác, hội nhập quốc tế; Xây dựng chương trình hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực miền núi.

Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường Trung cấp, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cần nâng cao chất lượng đào tạo của các trường Trung cấp, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

***5.3. Hỗ trợ và cung cấp việc làm***

Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động, Đẩy mạnh việc thực hiện Đề án Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2016-2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 2239/QĐ-UBND, ngày 18/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa), xuất khẩu lao động góp phần giải quyết việc làm; nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động và gia đình góp phần giảm nghèo bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; nâng cao chất lượng nguồn lao động có trình độ kỹ năng nghề, biết ngoại ngữ, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỹ luật, tác phong công nghiệp góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cao để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - du lịch, công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp. Ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ giảm nghèo bền vững cho người dân, ban hành Chính sách trợ cấp cho hộ nghèo không có sức lao động sinh sống ở 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và các thôn đặc biệt khó khăn vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khư vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020).

***5.4. Kết nối cung - cầu, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động***

Nâng cao nhận thức của xã hội về việc làm và giải quyết việc làm, tạo sự đồng thuận của các cấp chính quyền và người lao động trong giải quyêt việc làm; Xây dựng, quản lý và vận hành có hiệu quả cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động; Nâng cao năng lực hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm; Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp gắn vởi thông tin thị trường lao động.

***5.5. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao***

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VI, kỳ họp thứ 4

Để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặt biệt là đặt trong mặt bằng chung chế độ thu hút nhân tài của các tỉnh, thành phố trong vùng thì tỉnh cần điều chỉnh mức hỗ trợ đối với đối tượng được thu hút đến làm việc lâu dài và ngắn hạn tại tỉnh.

***5.6. Có chính sách giữ chân và thu hút người lao động***

Đối với các doanh nghiệp, phải xác định được mức lương bình quân của các vị trí lao động trong cùng ngành và trong cùng khu vực địa lý. Mặt khác, doanh nghiệp cần lưu ý rằng, cơ chế hoặc chính sách trả lương nên được xem xét và đánh giá, sửa đổi cho phù hợp với bối cảnh kinh doanh và những yêu cầu mới.

Nhà nước cần tiến hành thanh, kiểm tra thường xuyên về thi nâng bậc tay nghề, xếp lương theo bậc, các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, y tế ....

Giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho công nhân: Khi quy hoạch KCN, khu chế xuất cần tạo Quỹ đất để xây nhà ở cho công nhân. Nhà ở cho công nhân là nhà giá rẻ, chính vì vậy không có sức hút đối với nhà đầu tư do thu hối vốn khó khăn. Các chính sách thuế cho nhà đầu tư chưa được ưu đãi. Đề xuất nhà nước hỗ trợ cho vay lãi suất ưu đãi thấp hơn 5% với thời gian vay hơn 20 năm. Đồng thời, bỏ quy định tỷ lệ lợi nhuận định mức 10% đối với nhà để bán và 15% đối với nhà cho thuê trên tổng mức đầu tư để khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư.

Thành lập “Quỹ tiết kiệm nhà ở” (quỹ này hình thành trên cơ sở tái cơ cấu quỹ phát triển nhà tại các địa phương). Quỹ tiết kiệm nhà ở hỗ trợ cho người có thu nhập thấp.

***5.7. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, góp phần khắc phục tình trạng số lượng cung lao động chưa đáp ứng cầu lao động***

 Để đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của xã hội đặc biệt trong xu thế phát triển của CMCN 4.0. Các cơ sở đào tạo tại tỉnh Khánh Hòa cần sớm đổi mới chương trình, nội dung đào tạo theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực và phù hợp, ưu tiên cho các ngành khoa học kỹ thuật, đào tạo hướng nghiệp gắn với việc làm và theo nhu cầu của xã hội. Việc đào tạo cũng cần tiếp cận theo hướng đa ngành thay vì chuyên ngành như trước đây, đồng thời tăng cường sự phản biện của người học. Quản trị đào tạo cũng cần có sự thay đổi, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Tập trung gắn kết hoạt động đào tạo của nhà trường với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thông qua các mô hình liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp, hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo tại các trường gắn chặt với doanh nghiệp. Ngoài ra, có thể đẩy mạnh việc hình thành các cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp để chia sẻ các nguồn lực chung, từ đó hai bên cùng chủ động nắm bắt và đón đầu các nhu cầu của thị trường lao động.

Tỉnh cần có chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển các vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành đào tạo về công nghệ trên địa bàn tỉnh, tạo hệ sinh thái cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ. Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình hoạt động và phát triển của các khu công nghiệp; ưu tiên tài trợ cho các tổ chức, cá nhân có công trình khoa học - công nghệ xuất sắc.

**KẾT LUẬN**

**1. Kết luận**

***Thứ nhất,*** Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn lao động - việc làm và tổng quan các lý thuyết có liên quan đến lao động - việc làm. Các lý thuyết tăng trưởng của Ricardo, mô hình Harrod - Domar; các lý thuyết phát triển của Rostow, mô hình Fisher - Clark - Fourasties, mô hình Chnery; các lý thuyết về lao động - việc làm của Nafziger, mô hình Harry T. Óshima. Nghiên cứu cũng đã đưa ra mối quan hệ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Bài học kinh nghiệm về lao động - việc làm cho tỉnh Khánh Hòa như sau:

(1) Có chính sách, biện pháp và kế hoạch thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động (CDCCLĐ) nông thôn và tạo việc làm trong thời kỳ CNH - HĐH

(2) Xem giáo dục - đào tạo là yếu tố quyết định để nâng cao chất lượng NNL và phát triển NNL chất lượng cao nhằm hướng đến phát triển kinh tế tri thức

(3) Có chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC), nỗ lực xây dựng NNLCLC hướng đến phát triển nền kinh tế tri thức

(4) Có hệ thống chính sách thu hút quản lý, sử dụng và đãi ngộ NNL hợp lý

(5) Phát triển NNL phải gắn với chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia và địa phương qua từng giai đoạn nhất định

(6) Coi trọng hợp tác quốc tế và đẩy nhanh hội nhập

(7) Chính phủ giữ vai trò chủ động thực hiện quá trình phát triển NNL

(8) Phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đẩy mạnh xuất khẩu lao động có kỹ thuật ra nước ngoài và xuất khẩu tại chỗ, phát triển các ngành nghề truyền thống để giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

(9) Trong trường hợp hình thành Đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong, phải có một số lượng nhân sự đủ sức giám sát nhà thầu ngay từ khâu lập dự án (cần đào tạo rất lâu trước đó).

***Thứ hai,*** Phân tích thực trạng vấn đề lao động - việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2010 - 2016, tác động của vấn đề lao động - việc làm đối với cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân của tỉnh. Chất lượng lao động tỉnh Khánh Hòa đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động đang phát triển.

Chất lượng đào tạo luôn được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quan tâm đã và đang từng bước nâng lên. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo đến cuối năm 2016 đạt 25,4% là một con số có sự cải thiện tuy nhiên còn thấp, đòi hỏi phải nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo của tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Cơ cấu lao động có xu hướng chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang khu vực thương mại, DV. Lao động khu vực nông nghiệp giảm mạnh, khu vực thương mại, DV có tốc độ tăng tương đối. Sự chuyển dịch này phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Khánh Hòa cũng như xu hướng phát triển kinh tế trong thời gian qua. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động vẫn còn chậm. Đặc biệt việc chuyển dịch cơ cấu lao động sang các ngành công nghiệp kỹ thuật cao cũng như các ngành DV khác do trình độ chuyên môn thấp.

Đối với công tác giảm nghèo, UBND tỉnh Khánh Hòa có Quyết định sô 3646/QĐ- UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Cùng với những chính sách hỗ trợ giảm nghèo của tỉnh ban hành trong giai đoạn 2011 - 2015 vẫn còn hiệu lực thi hành, Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh đã ban hành một sô dự án giảm nghèo như: Chương trình 30a; Chương trình 135; Hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào cộng đồng, nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững; Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá nhằm tao điêu kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, giảm thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản.

Tuy nhiên, để công tác giảm nghèo trong giai đoạn 2018 - 2020 theo phương pháp tiếp cận đọ lường nghèo đa chiều đạt kết quả bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền và các nhóm dân cư; đồng thời, căn cứ trên tình hình thực tiên của tỉnh Khánh Hòa, cần ban hành một số chính sách đặc thù của tỉnh để thực hiện giảm nghèo bền vững.

Đối với tác động của vấn đề việc làm đối với việc cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân của tỉnh, qua kết quả nghiên cứu khảo sát 800 người dân là chủ hộ (hoặc là người đại diện cho hộ gia đình) tại 08 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa về sự hài lòng của người dân đối với môi trường sống, vấn đề giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững. Kết quả cho thấy 08 nhân tố tác động đến sự hài lòng của người dân đối với môi trường sống, vấn đề giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa đều có ảnh hưởng cùng chiều đến sự hài lòng của người dân. Trong đó, nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của người dân (là cơ sở để đưa ra các giải pháp ưu tiên) là: Nhà ở; Môi trường chính trị; Môi trường văn hóa; Môi trường giáo dục; Sản phẩm tiêu dùng; dịch vụ công cộng; Môi trường; Môi trường kinh tế

***Thứ ba,*** Đánh giá thực trạng vấn đề đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2010 - 2016 và tác động đối với việc giải quyết việc làm , cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân của tỉnh.

Trong thời gian qua, tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, đối với chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nghề phi nông nghiệp ngoài các chính sách cho vay vốn giải quyết việc làm cho lao động, một số huyện đã sử dụng nguồn nhân sách của huyện để hỗ trợ ban đầu cho lao động là người đồng bào dân tộc ít người khi đi làm ở xa; Đối với chính sách đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người học nghề và người sử dụng lao động, một số nghề chưa phát huy được hiệu quả sau khi đào tạo, người lao động không duy trì nghề đã học lâu dài.

Đối với công tác đào tạo nghề cho người lao động, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được phát triển đa dạng về hình thức sở hữu và loại hình đào tạo, hệ thống giáo dục nghề nghiệp từng bước đáp ứng được nhu cầu đào tạo lao động trên địa bàn.Tuy nhiên giáo trình đào tạo nghề chưa có đầy đủ các chương trình, giáo trình chuẩn do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành ở tất cả các lĩnh vực - ngành nghề. Do đó, các trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp sẽ lựa chọn giáo trình phù hợp với đơn vị mình. Tổng số giáo viên, giảng viên của 50 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 1.355 người, trong đó: có 372 giáo viên, giảng viên tại các trường cao đẳng, 476 giáo viên tại các trường trung cấp, 228 giáo viên tại các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 279 giáo viên tại các Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Đối với công tác tuyển sinh, nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tuyển sinh khá tốt trong những năm qua, tuy nhiên có nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp gặp khó khăn trong tuyển sinh, đặc biệt nhiều cơ sở không tuyển sinh được trong nhiều năm liền.

Hiện nay số lượng học viên tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với tỷ lệ khá cao, đồng nghĩa với chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh được cải thiện. Thực tế sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cho thấy các học viên được đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp có kiến thức cơ sở và chuyên ngành tốt. Tuy nhiên, họ vẫn còn lúng túng khi vận dụng những lý thuyết đó vào công việc, thiếu kinh nghiệm thực tế và cũng có rất nhiều trường hợp phải đào tạo lại sau khi tuyển dụng, trình độ tiếng Anh yếu và hạn chế về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc và kỹ năng tự học tập nâng cao kiến thức phục vụ công tác.

***Thứ tư,*** Đánh giá thực trạng phát triển thị trường lao động - việc làm và dự báo các vấn đề lao động, việc làm, đào tạo nghề, thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

Đối với thị trường lao động - việc làm của tỉnh Khánh Hòa hiện nay, nhu cầu tuyển dụng và khả năng đáp ứng của người lao động còn có sự chênh lệch khá lớn do đó việc kết nối doanh nghiệp và người lao động thường gặp nhiều khó khăn. Bài toán trước mắt đối với tỉnh Khánh Hòa là phải xây dựng được cơ sở dữ liệu thông tin về cung, cầu lao động; đối với cầu lao động cần có phương án khảo sát, nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp; đánh giá, phân tích và dự báo thị trường lao động đang chuyển dịch theo hướng nào để có định hướng tư vấn việc làm, đào tạo nghề cho lao động đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Về dự báo đến năm 2030:

- Tính dân số tỉnh Khánh Hòa chia theo nhóm tuối, giới tính, nông thôn, thành thị

- Cung lao động: Dân số trong độ tuổi lao động, lao động đang làm việc và lao động qua đào tạo; lao động qua đào tạo theo điều kiện đào tạo thực tế của các cơ sở đào tạo trong tỉnh.

- Cầu lao động: Số lượng và cơ cấu lao động theo ngành kinh tế; cơ cấu lao động trong nội ngành CN-XD và ngành DV

***Thứ năm,*** Đề xuất 7 nhóm giải pháp mở rộng việc cung cấp việc làm, tín dụng, đào tạo nghề, cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2017-2025 như sau:

(1) Phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 về GRDP; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng dịch vụ - du lịch, công nghiệp – xây dựng, nông lâm thủy sản; Thu nội địa; Kim ngạch xuất khẩu; Tăng dân số tự nhiên; Giảm tỷ lệ hộ nghèo; Giảm tỷ lệ thất nghiệp; Tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế và xây dựng nông thôn mới

(2) Nâng cao chất lượng nguồn lao động

Đối với Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, cần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về đào tạo nhân lực; Đổi mới quản lý nhà nước về đào tạo nhân lực; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng nhân lực; Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đào tạo nhân lực có tay nghề; huy động nguồn lực đào tạo nhân lực; Tập trung đầu tư vào giáo dục đào tạo; Đẩy mạnh thực hiện liên kết đào tạo và hợp tác, hội nhập quốc tế; Xây dựng chương trình hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực miền núi.

Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cần nâng cao chất lượng đào tạo của các trường trung cấp, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(3) Hỗ trợ và cung cấp việc làm

Thực hiện có hiệu quả Đề án Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2016-2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 2239/QĐ-UBND, ngày 18/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa). Đồng thời đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động có kỹ thuật, xuất khẩu lao động có kỹ thuật góp phần giải quyết việc làm; nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động và gia đình góp phần giảm nghèo bền vững và thúc đẩy phát triển KT-XH tại địa phương; bên cạnh đó nâng cao chất lượng nguồn lao động có trình độ kỹ năng nghề bậc cao, biết ngoại ngữ, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỹ luật, tác phong công nghiệp góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cao để đáp ứng nhu cầu CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo cơ cấu kinh tế. Ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ giảm nghèo bền vững cho người dân, ban hành Chính sách trợ cấp cho hộ nghèo không có sức lao động sinh sống ở 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và các thôn đặc biệt khó khăn vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khư vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020).

(4) Kết nối cung - cầu, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động

Nâng cao nhận thức của xã hội về việc làm và giải quyết việc làm, tạo sự đồng thuận của các cấp chính quyền và người lao động trong giải quyêt việc làm; Xây dựng, quản lý và vận hành có hiệu quả cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động; Nâng cao năng lực hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm; Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp gắn vởi thông tin thị trường lao động.

(5) Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao

Hiện nay, tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VI, kỳ họp thứ 4 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng nguồn cán bộ quy hoạch dự bị dài hạn và thu hút nhân tài ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, trong thời gian tới, để phục vụ cho yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh, đặt biệt là đặt trong mặt bằng chung chế độ thu hút nhân tài của các tỉnh, thành phố trong vùng thì tỉnh cần điều chỉnh mức hỗ trợ đối với đối tượng được thu hút đến làm việc lâu dài và ngắn hạn tại tỉnh.

(6) Có chính sách giữ chân và thu hút người lao động

Qua nghiên cứu dự báo cung - cầu lao động đến năm 2030 của tỉnh, có thể thấy cầu lao động tỉnh tăng cao và cung không đủ để đáp ứng. Chính vì vậy, ngoài việc thu hút nguồn lao động ngoài tỉnh, cần có những giải phấp nâng cao sự hài lòng đối với người lao động đang làm việc tại tỉnh để giữ chân người lao động như thi nâng bậc, tiền lương, tiền thưởng, chế độ bảo hiểm, nhà ở cho công nhân .....

(7) Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, góp phần khắc phục tình trạng số lượng cung lao động chưa đáp ứng cầu lao động.

Các cơ sở đào tạo tại tỉnh Khánh Hòa cần sớm đổi mới chương trình, nội dung đào tạo theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực và phù hợp, ưu tiên cho các ngành khoa học kỹ thuật, đào tạo hướng nghiệp gắn với việc làm và theo nhu cầu của xã hội. Đẩy mạnh việc hình thành các cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp để chia sẻ các nguồn lực chung, từ đó hai bên cùng chủ động nắm bắt và đón đầu các nhu cầu của thị trường lao động.

Tỉnh cần có chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển các vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành đào tạo về công nghệ trên địa bàn tỉnh, tạo hệ sinh thái cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

**2. Khuyến nghị**

 **-** Cần nghiên cứu đẩy mạnh liên kết vùng Nam Trung bộ và Tây nguyên trong việc đào tạo nghề có chất lượng theo thực trạng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của từng tỉnh nhằm đáp ứng nguồn cung lao động lẫn nhau.

 - UBND tỉnh Khánh Hòa nên giao Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa xây dựng đề án phát triển nguồn lao động, việc làm giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trình UBND tỉnh phê duyệt ./.

1. Tổng cục thống kê, 2017. Báo cáo điều tra Lao động việc làm năm 2016. [↑](#footnote-ref-1)